TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 09-8-2025.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bút.

2. Ông Cao Văn Truyện.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

Ngày 09 tháng 8 năm 2025 tại Cơ sở 2, Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 09/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm: 1954; địa chỉ: Số K đường L, tổ B, phường A, thành phố Đà Nẵng (phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng cũ); số CCCD: 048154003824, cấp ngày: 22/8/2023; đại diện tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Cao Thanh Phương T – sinh năm: 1967, địa chỉ: Số K đường L, phường A, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 082167000585, cấp ngày: 25/3/2021 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị H1 – sinh năm: 1972, địa chỉ: Tổ I, thôn T, xã H, thành phố Đà Nẵng (xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cũ); số CCCD: 048172005591 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19 tháng 02 năm 2025, các bản tự khai ngày 27 tháng 5 năm 2025, ngày 06 tháng 8 năm 2025 và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện trình bày:

Vào năm 2021, thông qua quan hệ quen biết cùng làm chủ sạp hàng ở chợ Đ (quận H, thành phố Đà Nẵng cũ), bà Phan Thị H1 có tham gia chơi biêu hụi do bà Nguyễn Thị H làm chủ. Bà H1 đã hốt hụi và có trách nhiệm đóng trả lại cho bà H

với số tiền 100.000.000đ *(một trăm triệu đồng)*. Sau khi hốt hụi, bà H2 liên tục than vãn tình hình dịch bệnh, buôn bán khó khăn nên không đóng trả tiền đúng thời hạn. Thông cảm với hoàn cảnh của bà H1 nên bà H đã đóng trả thay cho bà H1 trong một thời gian dài để làm tròn trách nhiệm chủ hụi. Đến tháng 6 năm 2022, do không có tiền mua hàng nên bà H1 hỏi mượn thêm của bà H số tiền 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*, khi mượn bà H có viết giấy mượn tiền với tổng số tiền mượn là 150.00.000đ *(một trăm năm mươi triệu đồng)* và hứa trả góp mỗi ngày 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)* kể từ ngày 12/6/2022 âm lịch. Đồng thời, bà H1 có thế chấp 01 Hợp đồng tạm thuê mặt bằng bán hàng rong tại chợ Đầu mối cho bà H để làm tin. Tuy nhiên, bà H1 mới chỉ trả được tổng số tiền 45.000.000đ *(bốn mươi lăm triệu đồng)*, còn lại 105.000.000đ *(một trăm lẻ năm triệu đồng)* đến nay vẫn chưa trả. Do đó, bà H khởi kiện bà H1 để yêu cầu trả nợ.

Tại phiên toà, người đại diện của nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc bà Phan Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 128.625.000đ *(một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*, trong đó: tiền nợ gốc là 105.000.000đ *(một trăm lẻ năm triệu đồng)*, tiền lãi phát sinh từ ngày 05/5/2023 đến ngày 09/8/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 23.625.000đ *(hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

Bị đơn bà Phan Thị H1 đã được Toà án cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng, không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng (Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cũ) thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Phan Thị H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H trình bày rằng do quen biết với nhau vì cùng buôn bán ở chợ Đ phường H, thành phố Đà Nẵng nên bà H cho bà Phan Thị H1 mượn tổng số tiền 150.00.000đ *(một trăm năm mươi triệu đồng)* và hứa trả góp mỗi ngày 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)* kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2022 âm lịch (tức ngày 10 tháng 7 năm 2022 dương lịch). Bà H1 đã trả được tổng số tiền 45.000.000đ, còn lại 105.000.000đ không chịu trả nợ nên bà H khởi kiện để yêu cầu trả nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H đã cung cấp cho Toà án 01 bản

chính giấy mượn tiền ngày 12/6/2022 âm lịch (viết bằng mực bút bi màu xanh, trên giấy vỡ học sinh hiệu Hải Tiến) thể hiện người đứng tên mượn tiền là Phan Thị H1; nội dung giấy mượn tiền thể hiện bà Phan Thị H1 có mượn của bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000đ và hứa trả mỗi ngày 500.000đ, bắt đầu từ ngày 12/6/2022 âm lịch. Lời trình bày của bà Nguyễn Thị H phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trong khi đó, bị đơn bà Phan Thị H1 không đến Toà án tham gia tố tụng, không có ý kiến phản đối về chứng cứ cũng như yêu cầu khởi kiện từ phía nguyên đơn.

[4] Xét thấy giao dịch dân sự giữa hai bên đương sự là Hợp đồng vay tài sản không có lãi, số tiền vay là 150.000.000đ *(một trăm năm mươi triệu)*, thời hạn hoàn trả kể từ ngày 10/7/2022 (tức ngày 12/6/2022 âm lịch) cho đến ngày 04/5/2023, trả góp mỗi ngày 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)*. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, hai bên đương sự đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 463 của Bộ luật Dân sự. Do bà Phan Thị H1 chỉ mới trả được 45.000.000đ, còn lại 105.000.000đ không thanh toán nên bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị H1 thanh toán tổng số tiền nợ là 128.625.000đ *(một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*, trong đó: tiền nợ gốc là 105.000.000đ, tiền lãi phát sinh từ ngày 05/5/2023 đến ngày 09/8/2025 (làm tròn là 02 năm 03 tháng) với mức lãi suất 10%/năm là 23.625.000đ. Xét thấy yêu cầu trả nợ của đại diện nguyên đơn đối với bị đơn đúng quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị H1 phải chịu 6.431.300đ (128.625.000đ x 5%, đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

[7] Ngoài ra, khi vay tiền bà Phan Thị H1 có giao cho bà Nguyễn Thị H 01 bản chính Hợp đồng tạm thuê mặt bằng bán hàng rong số: 262 LT/HĐ-MBHR ngày ngày 01/01/2014 để làm tin (thời hạn thuê được gia hạn đến ngày 04/10/2021). Trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thuê mặt bằng mà bà H đang cất giữ. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết

số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Phan Thị H1 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Phan Thị H1 trả nợ cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 128.625.000đ *(một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*, trong đó: tiền nợ gốc là 105.000.000đ *(một trăm lẻ năm triệu đồng)*, tiền nợ lãi là 23.625.000đ *(hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

2. Về án phí: Bà Phan Thị H1 phải chịu 6.431.300đ *(sáu triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/8/2025). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nơi nhận:
- VKSND KV4 - Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn